TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 02 - 2020
"*Về việc ly hôn, con chung".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính
Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lê
Ông Nguyễn Trung Đông

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 406/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019. Về việc "Ly hôn, con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Ngh, sinh năm 1971 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp Cái Rắn B, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1973 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Cái Rắn B, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/8/2019 và các lời khai của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Ngh trình bày:

Về hôn nhân: Anh Ngh và chị L tổ chức đám cưới năm 1999 không có đăng ký kết hôn. Anh Ngh và chị L sống hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống thường bất đồng quan điểm nên chị L bỏ về bên cha mẹ vợ sống, việc mâu thuẫn được hai bên cha mẹ hàn gắn nhưng không thành, từ đó anh và chị L ly thân cho đến nay. Anh Ngh xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên anh Ngh yêu cầu xin ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh Ngh trình bày vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Yến, sinh năm 2001 và Nguyễn Dáng Hương, sinh ngày 20/3/2009. Khi

ly hôn anh Ngh yêu cầu giao Nguyễn Dáng Hương cho chị L nuôi dưỡng, anh Ngh không cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Thị Yến đã trưởng thành nếu theo ai thì người đó nuôi.

Về tài sản chung: Anh Ngh trình bày vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh Ngh trình bày vợ chồng không nợ thu nên không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với chị Lê Thị L, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho chị L biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 22/8/2019 nhưng chị L không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập hợp lệ chị L để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng chị L không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh Ngh. Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai chị L vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị L theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn chị Lê Thị L có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của anh Nguyễn Văn Ngh khởi kiện xin ly hôn với chị Lê Thị L và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn, con chung" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngh và chị L tổ chức đám cưới năm 1999 không có đăng ký kết hôn, theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh Ngh và chị L không được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của anh Ngh và chị L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Ngh trình bày vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Yến, sinh năm 2001 và Nguyễn Dáng Hương, sinh ngày

20/3/2009. Khi ly hôn anh Ngh yêu cầu giao Nguyễn Dáng Hương cho chị L nuôi dưỡng, anh Ngh không cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Thị Yến đã trưởng thành nếu theo ai thì người đó nuôi. Xét thấy, anh Ngh và chị L sống ly thân năm 2019 cho đến nay tuy thời thời gian không dài nhưng Nguyễn Dáng Hương đã sống với chị L ổn định về tinh thần, cũng như các điều kiện khác. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 09/12/2019 của cháu Nguyễn Dáng Hương thì nguyện vọng được sống với chị L. Đối với cháu Nguyễn Thị Yến đã trưởng thành nên không xem xét, nếu sống với ai thì người đó nuôi, chị L không ý kiến gì đối với yêu cầu về con của anh Ngh. Do đó, anh Ngh yêu cầu giao con cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận, anh Ngh không trực tiếp nuôi con nên không cấp dưỡng nuôi.

[4] Về tài sản chung: Anh Ngh thống nhất không có tài sản chung không yêu cầu, chị L không ý kiến gì nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh Ngh thống nhất vợ chồng không có không nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị L không ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Ngh phải chịu số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngy 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ của anh Nguyễn Văn Ngh và chị Lê Thị L là vợ chồng.

- Về con: Chị Lê Thị L tiếp tục nuôi con tên là Nguyễn Dáng Hương, sinh ngày 20/3/2009, anh Nguyễn Văn Ngh không cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Thị Yến sống với ai thì người đó nuôi dưỡng.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Ngh phải chịu án phí số tiền là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), anh Ngh có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004735 ngày 28/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chuyển thu.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai anh Ngh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với chị L được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi gửi:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Đương sự;
- UBND xã Phú Hưng;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính